

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày 31/5/2021

V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.
2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 05/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 19/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1977 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Bà Bùi Ngô Thúy L, sinh năm 1985; các cụ Võ Việt D, sinh năm 1934, Trịnh Thị Nh, sinh năm 1937; các cháu Võ Bùi Ngọc H, sinh năm 2011, Võ Bùi Ngọc M, sinh

năm 2013, Võ Bùi Việt A, sinh năm 2019 (các cháu H, M và A do Bà Bùi Ngô Thúy L đại diện theo pháp luật); cùng cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 64, đường Ph, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Số 55/24/7 đường P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, nguyên đơn là ông Võ Văn H (sau đây viết tắt là ông H) và trong quá trình giải quyết vụ án, Bà Bùi Ngô Thúy L, các cụ Võ Việt D, Trịnh Thị Nh (sau đây viết tắt là bà L, cụ D, cụ Nh) là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/8/2019 ông H cho ông Nguyễn Văn D (sau đây viết tắt là ông D) vay số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) để sử dụng vào việc cá nhân, không thỏa thuận lãi suất, hạn 15 ngày sau khi mượn sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó ông D không trả nợ đúng hạn, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D không trả nợ. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả cho ông H số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Ngày 24/10/2020 ông H chết, không để lại di chúc; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H bao gồm các cụ D, Nh, bà L và các cháu Võ Ngọc H, Võ Bùi Ngọc M, Võ Bùi Việt A (các cháu H, M, An do bà L đại diện theo pháp luật) kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H tham gia tố tụng trong vụ án.

Bà L và các cụ D, Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) nêu trên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, không yêu cầu ông D trả lãi.

Bà L xác định không có việc ông D trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) như ông D khai.

** Tại biên bản làm việc ngày 01/4/2021, bị đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ngày 25/8/2019 ông có viết giấy xác nhận nợ ông H số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng), hẹn nửa tháng sau sẽ trả nợ. Tuy nhiên tại thời điểm đó ông đã trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chỉ còn nợ ông H số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng) chứ không phải 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) như ông H khởi kiện.

Việc ông trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nêu trên là thực tế nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh và không có ai chứng kiến, cũng không lập thành văn bản nhưng ông nghĩ là ông H có nói cho vợ ông H biết việc này.

Ông H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) thì ông chỉ đồng ý trả số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng), còn lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thì ông không đồng ý.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, buộc ông D có nghĩa vụ trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng); ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông H chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm Bà Bùi Ngô Thúy L

(là vợ ông H), các cụ Võ Việt D, Trịnh Thị Nh (là cha mẹ đẻ của ông H) và các cháu Võ Bùi Ngọc H, Võ Bùi Ngọc M, Võ Bùi Việt A (là con chung của ông H và bà L, do bà L đại diện theo pháp luật) kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trong vụ án này.

[1.2] Bà L, các cụ D, Nh vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông D thừa nhận ngày 25/8/2019 ông có viết giấy xác nhận nợ của ông H số tiền nợ 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng). Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên có cơ sở xác định ông D có vay của ông H số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng).

[2.2] Ông D cho rằng sau khi viết giấy nợ nêu trên, ông đã trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông D phải có nghĩa vụ chứng minh nội dung trình bày này của mình là có căn cứ. Tuy nhiên, ông D không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trong khi đó bà L không thừa nhận có việc trả tiền nợ như ông D khai nên không có cơ sở chấp nhận lời khai này của ông D.

[2.3] Theo giấy mượn tiền ngày 25/8/2019 và trình bày của các đương sự thể hiện thời hạn trả nợ là 15 ngày kể từ ngày viết giấy mượn; hết thời hạn nêu trên nhưng ông D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm thì ông D vẫn chưa trả nợ cho ông H và cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H, cũng không đến Tòa án để tham gia đối chất, hòa giải, xét xử; điều này đã thể hiện ông D không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình trong hợp đồng vay tài sản.

[2.4] Từ nhận định nêu trên, việc ông H khởi kiện và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H yêu cầu ông D trả số tiền nợ gốc 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng), không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.5] Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.050.000 đồng (hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tạm ứng án phí cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn H, bao gồm: Bà Bùi Ngô Thúy L, các cụ Võ Việt D, Trịnh Thị Nh và các cháu Võ Bùi Ngọc H, Võ Bùi Ngọc M, Võ Bùi Việt A (các cháu H, M và A do bà Bùi Ngô Thúy L đại diện theo pháp luật).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.050.000 đồng (hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Hoàn trả cho bà Bùi Ngô Thúy L, các cụ Võ Việt D, Trịnh Thị Nh và các cháu Võ Bùi Ngọc H, Võ Bùi Ngọc M, Võ Bùi Việt A (các cháu H, M và A do bà Bùi Ngô Thúy L đại diện theo pháp luật) số tiền ông Võ Văn H đã nộp tạm ứng án phí là 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm

ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000880 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

